

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồng Văn N; sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp SĐ, xã VT, huyện PT, tỉnh CM.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T; sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp SĐ, xã VT, huyện PT, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Hồng Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1994, ông và bà Huỳnh Thị T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung vợ chồng không hòa thuận, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường hay cãi vã nhau. Hiện tại ông với bà T không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có hai người con chung tên Hồng Kim G, sinh năm 1996 (giới tính nữ) và Hồng Kim N, sinh ngày 04/4/2007 (giới tính nữ). Hồng Kim G hiện đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hồng Kim N, hiện đang chung sống cùng cha, mẹ nay ông yêu cầu được trực tiếp nuôi sống Hồng Kim N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà Huỳnh Thị T vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Hồng Văn N được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Thị T là bị đơn có nơi cư trú tại huyện PT, tỉnh CM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Huỳnh Thị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị T.

[3] Về hôn nhân: ông Hồng Văn N và bà Huỳnh Thị T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông N xác định quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông N được ly hôn với bà T. Đối với bà Huỳnh Thị T, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà Huỳnh Thị T nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng bà T vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Hồng Văn N. Ông Hồng Văn N và Huỳnh Thị T sống chung với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Hồng Văn N và bà Huỳnh Thị T đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ quy định tại các Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Hồng Văn N và bà Huỳnh Thị T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Hồng Văn N và Huỳnh Thị T không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có hai người con chung. Hiện người con chung tên Hồng Kim G, sinh năm 1996 (giới tính nữ) đã trưởng thành, ông N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Riêng Hồng Kim N, sinh ngày 04/4/2007 (giới tính nữ), ông Hồng Văn N yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được quyền nuôi con của ông Hồng Văn N. Tại bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2023, Hồng Kim N có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Hồng Văn N. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Hồng Văn N về yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Hồng Văn N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Hồng Văn N và bà Huỳnh Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao người con chung tên là Hồng Kim N, sinh ngày 04/4/2007 (giới tính nữ) cho ông Hồng Văn N nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồng Văn N về việc không yêu cầu bà Huỳnh Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Hồng Văn N phải chịu. Ông N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0018568 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Hồng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình

